TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 600/2023/DS-PT Ngày: 21/12/2023 V/v: *Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 256/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023, về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14316/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Vũ Thị M, sinh năm 1961; Địa chỉ: số C A, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt).

*** Bị đơn**: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H; Địa chỉ: số B đường L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng, (xin xét xử vắng mặt);

2. Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng; Địa chỉ: số A đường N, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt);

3. Bà Vũ Thị P, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt);

4. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt);

5. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1981 và chị Lê Thị T, sinh năm 1985; Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt);

6. Anh Vũ Văn T1, sinh năm 1982 và chị Lê Thị Hồng G, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương, (vắng mặt);

7. Anh Vũ Văn V, sinh năm 1985 và chị Lê Thị T2, sinh năm 1987; Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 20/9/2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Thị M trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Vũ Văn T3 (tức P1, chết năm 1994) và cụ Lê Thị H1 (chết năm 2000), các cụ sinh được 03 người con là: Bà Vũ Thị P, sinh năm 1949, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Ông Vũ Hữu P2, sinh năm 1951, nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng và bà. Ngoài các người con trên thì bố mẹ bà không còn có người con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

Trong 03 người con thì có ông Vũ Hữu P2, (chết năm 1999). Ông Vũ Hữu P2 có vợ là bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952. Vợ chồng ông P2, bà B có 04 người con gồm: Vũ Thị D, Vũ Văn H, Vũ Văn T1, Vũ Văn V.

Ngoài những người con trên thì ông P2 và bà B không còn có người con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

Khi còn sống bố mẹ bà có diện tích đất 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, nguồn gốc diện tích đất này là của ông cha để lại. Từ khi các anh chị em trong gia đình bà sinh ra và lớn lên đều ở trên thửa đất này. Năm 1974 bà Nguyễn Thị B kết hôn với anh trai bà là ông Vũ Hữu P2 về làm dâu cùng sinh sống với bố mẹ bà và bà, lúc này chị gái lớn là Vũ Thị P đã đi lấy chồng ở cùng thôn. Đến năm 1983 bà đi lấy chồng nên sinh sống cùng với gia đình nhà chồng, lúc này chỉ còn có bố mẹ bà và vợ chồng ông P2, bà B sinh sống trên thửa đất này.

Bố mẹ bà cùng các anh chị em sinh sống trên diện tích đất này. Khi anh chị em lớn lên thì trên đất bố mẹ đã làm một căn nhà 04 gian bằng đất, cả gia đình cùng sinh sống, cụ thể bố mẹ làm vào thời gian nào thì bà không nhớ. Đến năm 1988, ông Vũ Hữu P2 đã phá căn nhà đất để xây lại căn nhà cấp 4 bốn gian lợp ngói để bố mẹ, vợ chồng và con cái ông P2 ở. Đến năm 2015 thì vợ chồng con trai lớn của ông P2, bà B là anh Vũ Văn H đã phá căn nhà này và xây căn nhà mái bằng diện tích khoảng 120m^2. Hiện nay trên đất chỉ còn vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T sinh sống.

Việc bà Nguyễn Thị B được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số AG 128606, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là H0468/AL ngày 24/11/2006 và chỉnh lý ngày 05/01/2018 đối với diện tích đất ở 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng như thế nào bà không biết. Chỉ đến tháng 01/2020 mẹ con bà B cãi nhau, anh Vũ Văn H có ra bảo bà về việc bà B mang bìa đỏ đất đi cắm ngân hàng thì bà mới được biết. Việc bà B tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Nguyễn Thị B1 thì bà B1 không bàn bạc hay nói gì với 02 chị em bà.

Diện tích đất của bố mẹ là 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng đến nay bà Nguyễn Thị B tặng cho 04 người con của bà B và ông P2 và đã làm thủ tục chia tách thửa đất trên thành 05 thửa, cụ thể:

- Cho con trai lớn là Vũ Văn H và vợ là Lê Thị T diện tích đất 958m^2, anh H, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/11/2017.

- Cho con trai thứ hai là Vũ Văn T1 và vợ là Lê Thị Hồng G diện tích đất là 368m^2, anh T1, chị G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/5/2018.

- Cho con trai út là Vũ Văn V và vợ là Lê Thị T2 diện tích đất là 368m^2, anh V, chị T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2018.

- Cho con gái là Vũ Thị D diện tích đất là 368m^2, chị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/5/2018

- Diện tích đất còn lại là 310m^2 hiện nay bà Nguyễn Thị B đang quản lý, sử dụng.

Hiện trạng các tài sản trên đất hiện nay chỉ có trên thửa đất của anh Vũ Văn H đang quản lý và sử dụng gồm: 01 căn nhà mái bằng diện tích khoảng 120m^2 do vợ chồng anh H xây dựng và 01 nhà thờ của chi họ (họ V1) rộng khoảng 40m^2, kinh phí xây nhà thờ do con cháu trong họ V1 cùng đóng góp, xây dựng.

Còn lại diện tích đất của bà B, chị D, anh T1 hiện trạng là vườn, ao chưa được san lấp hết. Diện tích đất của anh V hiện nay là vườn, do anh V chưa sử dụng nên để anh H đang trồng Thanh L và anh H có xây 05 gian chuồng lợn, chị D xây 05 gian chuồng lợn để chăn nuôi lợn nhưng nay cũng đã phá đi.

Thực tế trong sổ mục kê ruộng đất năm 1985, ghi chủ sử dụng thửa đất số 509 có diện tích là 177 m^2, thửa 522 có diện tích là 2031 m^2 là ông F, trong sổ mục kê ruộng đất năm 2000, ghi chủ sử dụng thửa đất số 103 có diện tích là 2400 m^2 là ông Vũ Văn P3. Tuy nhiên, tên chủ sử dụng được ghi trong các

sổ mục kê chính là tên của bố bà. Vì, sau khi sinh anh trai bà và đặt tên là Vũ Hữu P2 thì tất cả mọi người ở địa phương và gia đình đều gọi ông T3 là ông P2 hoặc Vũ Văn P3.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia di sản thừa kế của bố mẹ đối với diện tích đất 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Bà đề nghị được nhận bằng hiện vật là diện tích đất của bố mẹ bà.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 128606, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là H0468/AL mà UBND huyện A cấp ngày 24/11/2006 và chỉnh lý ngày 05/01/2018 cho bà Nguyễn Thị B.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 062193, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH0350/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/9/2018 cho chị Nguyễn Thị D1.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK940679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH0289/AL mà UBND huyện A cấp ngày 01/11/2017 cho anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN062192, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH352/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/5/2018 cho anh Vũ Văn T1 và chị Lê Thị Hồng G.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN062194, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH346/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/5/2018 cho anh Vũ Văn V và chị Lê Thị T2.

Ngày 13/01/2022, bà đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Bà không yêu cầu chia diện tích đất 958m^2 hiện vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T đang ở trên diện tích đất; bà cũng rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho anh H, chị T. Bà chỉ yêu cầu chia phần diện tích đất còn lại là 1442 m^2 và yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại.

- *Bị đơn là bà Nguyễn Thị B trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà M trình bày về quan hệ huyết thống trong gia đình.

Cụ Vũ Văn T3, (chết năm 1994) và cụ Lê Thị H1, (chết năm 2000) là bố mẹ chồng của bà. Tại địa phương theo phong tục khi sinh con trai thì lấy tên của con trai để gọi tên của bố, vì vậy bố mẹ chồng bà sau khi sinh chồng bà đặt tên là Vũ Văn P3 (hay còn gọi là Vũ Hữu P2) thì mọi người trong gia đình và hàng xóm cũng gọi tên bố chồng bà là ông P2.

Thực tế chồng bà là em trai bà Vũ Thị P, chồng bà sinh năm 1951, tài liệu có trong hồ sơ thể hiện chồng bà sinh năm 1948 là vì, khi chồng bà làm hồ sơ đi bộ đội thì đã khai tăng tuổi nên từ đó đến nay thì từ đó đến nay mọi

thông tin liên quan đến nhân thân của chồng bà thể hiện sinh năm 1948 theo hồ sơ quân đội.

Khi còn sống, bố mẹ chồng bà có diện tích đất 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, nguồn gốc diện tích đất này là của ông cha để lại. Từ khi các anh chị em trong gia đình nhà chồng bà sinh ra và lớn lên đều ở trên thửa đất này.

Năm 1974, bà kết hôn với ông Vũ Văn P3 về làm dâu cùng sinh sống với bố mẹ chồng và em út là bà Vũ Thị M, lúc này chị gái lớn là Vũ Thị P đã đi lấy chồng ở cùng thôn. Khoảng năm 1983, bà Vũ Thị M đã đi lấy chồng, lúc này chỉ còn có bố mẹ chồng và vợ chồng bà sinh sống trên thửa đất này.

Khi bà về làm dâu thì trên đất có một căn nhà 04 gian bằng đất, cả gia đình bà cùng sinh sống. Đến năm 1988, vợ chồng bà đã phá nhà đất để xây lại căn nhà cấp 4 ba gian để bố mẹ và vợ chồng con cái ở. Đến năm 2015 thì con trai lớn của bà là Vũ Văn H đã phá căn nhà này và xây căn nhà mái bằng diện tích 120m^2. Hiên nay trên đất chỉ còn vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Lê Thị Thủy sinh s.

Tại thời điểm năm 2006, toàn dân làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lúc này bố mẹ chồng bà và chồng bà đã chết chỉ còn mẹ con bà sinh sống trên thửa đất này, chính quyền địa phương tự đến đo và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà là Nguyễn Thị B. Việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng là do địa phương tự làm, bà không có đề nghị gì, bà cũng không bàn bạc với bà Vũ Thị P và bà Vũ Thị M về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà được UBND huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 128606, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là H0468/AL ngày 24/11/2006 và chỉnh lý ngày 05/01/2018 đối với diện tích đất ở 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Diện tích đất trên bà đã chia cho các con, cụ thể:

- Cho con trai lớn là Vũ Văn H và vợ là Lê Thị T diện tích đất 958m^2, anh H, chị T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 01/11/2017.

- Cho con trai thứ hai là Vũ Văn T1 và vợ là Lê Thị Hồng G diện tích đất là 368m^2, anh T1, chị G đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/5/2018.

- Cho con trai út là Vũ Văn V và vợ là Lê Thị T2 diện tích đất là 368m^2, anh V, chị T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2018.

- Cho con gái là Vũ Thị D diện tích đất là 368m^2, chị D đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 09/5/2018.

Diện tích đất còn lại là 310m^2 hiện nay bà đang quản lý, sử dụng.

Hiện trạng các tài sản trên đất hiện nay chỉ có trên thửa đất của anh Vũ Văn H đang quản lý và sử dụng gồm: 01 căn nhà mái bằng diện tích 120m^2 do vợ chồng anh H xây dựng và do nhà anh là trưởng họ nên đã hiến đất để xây 01 nhà thờ của chi họ (họ vũ), kinh phí xây nhà thờ do con cháu trong họ cùng đóng góp, xây dựng.

Còn lại diện tích đất của bà, chị D, anh T1 hiện trạng là ao chưa được san lấp. Diện tích đất của anh V hiện nay anh H đang trồng T.

Trước kia bà có lời khai về việc đồng ý để diện tích đất hiện bà đang đứng tên quyền sử dụng đất là 310m^2 cho bà M, nhưng nay bà không đồng ý nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong sổ mục kê năm 1985, ghi chủ sử dụng đất là ông F và sổ mục kê năm 2000 ghi chủ sử dụng đất Vũ Văn P3 là chồng bà Vũ Văn P3 (tức Vũ Hữu P2).

Bà đồng ý với kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của Tòa án.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M, vì bản thân bà M, bà P là con gái đã đi lấy chồng, bà ở cùng chăm sóc bố mẹ chồng, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế với nhà nước, mặt khác khi con sống bố mẹ chồng bà có dặn sau khi bố mẹ chết sẽ để lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng bà.

Việc bà Vũ Thị M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà và các con bà thì bà không đồng ý, vì từ năm 2006 bà được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà hoàn toàn có quyền tặng cho các con. Việc các con bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị P trình bày:

Bà thống nhất với bà M, bà B trình bày về quan hệ huyết thống trong gia đình. Bà cũng thống nhất về nội dung trình bày về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp.

Theo phong tục tại địa phương, khi sinh con trai thì lấy tên của con trai để gọi tên của bố, vì vậy bố mẹ bà sau khi sinh em trai bà đặt tên là Vũ Hữu P2 thì mọi người trong gia đình và hàng xóm cũng gọi tên bố của bà là ông P2.

Khi còn sống bố mẹ bà có diện tích đất 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Nguồn gốc diện tích đất này là của ông bà nội của bà là cụ Vũ Văn B2 và cụ Lê Thị S để lại cho bố mẹ bà là ông Vũ Văn T3 và bà Lê Thị H1. Từ khi các anh chị em trong gia đình bà sinh ra và lớn lên đều ở trên thửa đất này.

Năm 1969, bà lấy chồng và sinh sống ở cùng thôn. Năm 1974, bà Nguyễn Thị B kết hôn với ông Vũ Hữu P2 về làm dâu cùng sinh sống với bố

mẹ bà. Đến năm 1983 bà Vũ Thị M đi lấy chồng nên sinh sống cùng với gia đình nhà chồng, lúc này chỉ còn có bố mẹ bà và vợ chồng ông P2, bà B sinh sống trên thửa đất này.

Khi anh chị em bà lớn lên thì trên đất bố mẹ bà đã làm một căn nhà 04 gian bằng đất, cả gia đình cùng sinh sống, cụ thể bố mẹ bà làm vào thời gian nào thì bà không nhớ. Đến năm 1988 ông Vũ Hữu P2 đã phá căn nhà đất để xây lại căn nhà cấp 4 bốn gian lợp ngói để bố mẹ, vợ chồng và con cái ông P2 ở. Đến năm 2015 thì vợ chồng con trai lớn của ông P2, bà B là anh Vũ Văn H đã phá căn nhà này và xây căn nhà mái bằng diện tích khoảng 120m^2. Hiện nay trên đất chỉ còn vợ chồng anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T sinh sống.

Thực tế trong sổ mục kê ruộng đất năm 1985 ghi chủ sử dụng thửa đất số 509 có diện tích là 177 m^2, thửa 522 có diện tích là 2031 m^2 là ông fùng, trong sổ mục kê ruộng đất năm 2000 ghi chủ sử dụng thửa đất số 103 có diện tích là 2400 m^2 là ông Vũ Văn P3. Tuy nhiên, tên chủ sử dụng được ghi trong các sổ mục kê chính là tên của bố của bà. Vì sau khi sinh em trai bà và đặt tên là Vũ Hữu P2 thì tất cả mọi người ở địa phương và gia đình đều gọi bố của là ông P2,

Bà đồng ý với việc khởi kiện, tuy nhiên yêu cầu khởi kiện như thế nào thì giữa bà M và bà B giải quyết với nhau, bà không có ý kiến gì. Phần của bà được hưởng bà để lại cho 03 cháu Vũ Thị D, Vũ Văn T1, Vũ Văn V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chị Vũ Thị D, anh Vũ Văn T1, anh Vũ Văn V, chị Lê Thị T2, chị Lê Thị T, anh Vũ Văn H* thống nhất với lời trình bày của bị đơn.

- *Ủy ban nhân dân huyện A trình bày:*

Việc bà Vũ Thị M đề nghị hủy 05 GCNQSD đất là quyền của công dân, đề nghị Tòa án căn cứ quy định để thực hiện. Thủ tục cấp 05 GCNQSD đất đối với diện tích 2.400m^2 tại thửa số 103, tờ bản đồ 193-A-3 tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng cơ bản đảm bảo theo quy định của luật đất đai, pháp luật có liên quan.

- *Sở tài nguyên và môi trường thành phố H trình bày:* UBND huyện A cấp giấy chứng nhận cho bà B là đúng quy định, Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện A xác nhận đăng ký biến động đúng quy định. Việc yêu cầu thu hồi, hủy bỏ nội dung đăng ký biến động và 4 giấy chứng nhận là không có cơ sở.

- *Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:*

Hồ sơ quản lý năm 1985 thể hiện: Trong tờ bản đồ giải thửa số 03 năm 1985: thuộc thửa 509, diện tích 177,0m^2; thửa 522, diện tích 2031,0m^2; Tổng diện tích 02 thửa trên là: 2208,0m^2 cùng một phần thửa 540.

Trong sổ mục kê ruộng đất năm 1985:

+ Thửa đất số 509, diện tích 177,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Ao;

+ Thửa đất số 522, diện tích 2031,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Vườn;

+ Thửa 540, tổng diện tích là 1130,0m^2, mang tên chủ sử dụng ruộng đất "bà B3", loại ruộng đất: Vườn;

Ngoài ra, còn có thửa đất số 508, diện tích 70,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Vườn;

Hồ sơ giai đoạn sau thể hiện:

Trong bản đồ địa chính năm 1994 thửa đất số 103, tờ bản đồ số 193-A-III, diện tích là 2.400,0 m^2.

Trong sổ mục kê đất năm 2000: thửa đất số 103, tờ bản đồ số 193-A-III, diện tích là 2.400,0 m^2 mang tên chủ sử dụng đất Vũ Văn P3, loại đất thổ cư.

Về diễn biến quá trình sử dụng đất và đối tượng sử dụng đất tại thửa số 103, tờ bản đồ 193-A-III:

"Ông fùng" trong sổ mục kê năm 1985 tức ông Vũ Văn T3 (bố đẻ ông Vũ Hữu P2) *(chết ngày 21/4/1994) (có xác nhận của UBND xã về tên thường gọi "ông fùng" của ông Vũ Văn T3).*

"Vũ Văn P3" trong sổ mục kê năm 2000 (phiên từ bản đồ địa chính 1994) tức ông Vũ Hữu P2 (con trai ông Vũ Văn T3) chết ngày 16/3/1999.

Ngày 24/11/2006, thửa đất số 103, tờ bản đồ số 193-A-III, diện tích 2.400,0m^2 được UBND huyện A cấp Giấy chứng nhận QSD đất mang tên bà Nguyễn Thị B có số seri AG 128606.

+ Ngày 11/1/2017, bà Nguyễn Thị B cho tặng một phần thửa đất cho con trai là Vũ Văn H, thửa 103.1, diện tích 958,0m^2, được UBND huyện A cấp GCN QSD đất số seri CK 940679, diện tích còn lại trên GCN là 958,0m^2.

+ Ngày 5/9/2018, bà Nguyễn Thị B cho tặng một phần thửa đất cho con trai là Vũ Văn V, thửa 103.2, diện tích 396,0m^2, được UBND huyện A cấp GCN QSD đất số seri CN 062194.

+ Ngày 5/9/2018, bà Nguyễn Thị B cho tặng một phần thửa đất cho con trai là Vũ Văn T1, thửa 103.3, diện tích 368,0m^2, được UBND huyện A cấp GCN QSD đất số seri CN 062192.

+ Ngày 5/9/2018, bà Nguyễn Thị B cho tặng một phần thửa đất cho con gái là Vũ Thị D, thửa 103.4, diện tích 368,0m^2, được UBND huyện A cấp GCN QSD đất số seri CN 062193.

Sau khi cho tặng 4 người con, thì diện tích còn lại mang tên bà Nguyễn Thị B là 310,0m^2.

- *Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án:*

Diện tích đất theo đo đạc hiện nay có tổng diện tích là 2488,0m^2.

Kết luận định giá tài sản tại thửa đất số 103 tờ bản đồ số 193-A-III, tại thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng: Giá chuyển nhượng trên thị trường đối với đất ở là 3.000.000 đồng/m^2.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217; Điều 244, Điều 227, Điều 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 611, 612, 613, 623, 649, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ T3 và cụ H1, diện tích đất 1460m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị hủy:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 128606, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là H0468/AL mà UBND huyện A cấp ngày 24/11/2006 và chỉnh lý ngày 05/01/2018 cho bà Nguyễn Thị B.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 062193, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH0350/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/9/2018 cho chị Nguyễn Thị D1.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN062192, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH352/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/5/2018 cho anh Vũ Văn T1 và chị Lê Thị Hồng G.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN062194, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH346/AL mà UBND huyện A cấp ngày 09/5/2018 cho anh Vũ Văn V và chị Lê Thị T2.

2. Đình chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích đất theo đo đạc thực tế là 1028m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng do anh Vũ Văn H và vợ là Lê Thị T đang quản lý, sử dụng; đình chỉ yêu cầu hủy số GCNQSD đất số CK940679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận là CH0289/AL mà UBND huyện A cấp ngày 01/11/2017 cho anh Vũ Văn H và chị Lê Thị T.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phần án phí, chi phí tố tụng và tuyên quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2023 nguyên đơn bà Vũ Thị M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự trong vụ án đều vắng mặt và sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không bổ sung thêm các tài liệu, chứng cứ mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị M trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M có kháng cáo. Tuy nhiên, các phiên tòa trước bà M đều có mặt.

Đối với các đương sự khác trong vụ án đều vắng mặt và Tòa án đã triệu tập nhiều lần, nhưng đều vắng mặt.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự và cũng để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Pháp luật không quy định việc ghi tên con thay cho tên bố trong sổ sách quản lý đất đai tại địa phương, không có căn cứ ghi nhận trong sổ mục kê năm 1985 "ông fùng" là cụ T3; trong gia đình cụ T3, cụ H1 cũng không có văn bản thể hiện việc ông P2 đứng tên tại sổ sách địa phương thay cho cụ T3. Năm 1985, địa phương thực hiện việc kiểm kê ruộng đất, thực tế vợ chồng ông P2, bà B là người quản lý, sử dụng đất nên ông P2 có tên trong Sổ mục kê năm 1985; tài liệu này là phù hợp với lời khai của các đương sự thể hiện thời điểm năm 1988 cụ T3 và cụ H1 đã già, vợ chồng ông P2, bà B là người phá nhà tranh cũ của hai cụ để xây nhà mới. Bà M có biết việc vợ chồng ông P2 làm nhà trên đất mà không có ý kiến gì cũng như việc cấp GCNQSDĐ cho phía bà B là hợp pháp. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà M là không có căn cứ. Với lý do, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất của bố mẹ bà M (cụ T3 và cụ H1). Bà B được cấp GCNQSDĐ mà không có tài liệu, chứng cứ là là cụ T3 và cụ H1 tặng cho, chuyển nhượng hoặc di chúc tặng cho vợ chồng bà B, ông P2 cũng như các con của cụ T3, cụ H1 cũng không thừa nhận. Nên, UBND cấp GCNQSDĐ cho phía gia đình bà B là không đúng. Do đó, diện tích đất của cụ T3 và cụ H1 để lại là di sản chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện và cấp sơ thẩm chưa chia thừa kế, nên Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự; hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; Giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu Đơn kháng cáo, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bà Vũ Thị M trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật, đối tượng khởi kiện, thẩm quyền, thời hiệu và xác định tư các những người tham gia tố tụng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều vắng mặt và Tòa án đã triệu tập các đương sự cũng như mở phiên tòa nhiều lần và các đương sự đều vắng mặt.

Trong vụ án này, nguyên đơn là bà Vũ Thị M kháng cáo và các phiên tòa trước bà M đều có mặt. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ huyết thống: Các đương sự đều thừa nhận cụ Vũ Văn T3 (tức P2, chết năm 1994) và cụ Lê Thị H1 (chết năm 2000), các cụ sinh được 03 người con: Bà Vũ Thị P, ông Vũ Hữu P2 {(chết năm 1999) có vợ là bà Nguyễn Thị B và 04 người con gồm: Vũ Thị D, Vũ Văn H, Vũ Văn T1, Vũ Văn V} và bà Vũ Thị M. Ngoài ra, các cụ không còn có người con chung, con riêng hay con nuôi nào khác.

[2.2] Về nguồn gốc đất (tranh chấp chia di sản thừa kế): Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất tranh chấp chia thừa kế là của cụ Vũ Văn T3 (tức P2, chết năm 1994) và cụ Lê Thị H1 (chết năm 2000) là bố mẹ đẻ của bà M và là bố mẹ chồng của bà B.

Trong sổ mục kê ruộng đất năm 1985: Thửa đất số 509, diện tích 177,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Ao. Thửa đất số 522, diện tích 2031,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Vườn. Thửa 540, tổng diện tích là 1130,0m^2, mang tên chủ sử dụng ruộng đất "bà B3", loại ruộng đất: Vườn. Ngoài ra còn có thửa đất số 508, diện tích 70,0m^2, có tên chủ sử dụng ruộng đất là "ông fùng", loại ruộng đất: Vườn. Trong sổ mục kê đất năm 2000: thửa đất số 103, tờ bản đồ số 193-A-III, diện tích là 2.400,0 m^2 mang tên chủ sử dụng đất Vũ Văn P3, loại đất thổ cư. Các đương sự xác định, khi còn sống cụ T3 và cụ H1 có diện tích đất 2400m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ 193-A-III, địa chỉ tại thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ T3 và cụ H1.

Xác minh tại UBND xã và theo nguyên đơn là bà M trình bày lý do trong Sổ Mục kê năm 1985 ghi tên "ông P3": "ông P3" chính là ông T3. Sau khi sinh con trai, theo phong tục ở địa phương gọi tên con thay cho tên bố. Bị đơn là bà B (là con dâu) cũng thừa nhận theo phong tục tại địa phương khi sinh con trai thì lấy tên của con trai để gọi tên của bố, vì vậy bố mẹ chồng bà sau khi sinh chồng bà đặt tên là Vũ Văn P3 (hay còn gọi là Vũ Hữu P2) thì mọi người trong gia đình và hàng xóm cũng gọi tên bố chồng bà là ông P2.

Năm 2006, bà B được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất của cụ T3 và cụ H1 để lại, nhưng bà B không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là được tặng cho hoặc nhận chuyển nhượng cũng như được tặng cho theo di chúc và các con của cụ T3, cụ H1 là bà M và bà P không thừa nhận.

Do đó, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp chia thừa kế là của cụ T3 và cụ H1. Diện tích đất này vẫn trong thời hiệu chia thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất này không phải là di sản chia thừa kế và bác yêu cầu khởi kiện của bà M là không đúng.

[3] Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất của cụ T3 và cụ H1 để lại không phải di sản chi thừa kế, nên đã không xác định hàng thừa kế và thừa kế thế vị (các con của ông Vũ Hữu P2) cũng như chưa xác định công sức duy trì, tôn tạo đối với di sản để lại cho phía bà B. Nên, tại phiên tòa phúc thẩm không khắc phục được và liên quan đến quyền kháng cáo của các đương sự. Do đó, kháng cáo của bà M được chấp nhận.

Ngoài ra, trong vụ án này liên quan đến việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu là có căn cứ. Tuy nhiên, yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất mà Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ liên quan đến di sản và di sản chưa chia (liên quan đến kỷ phần chia thừa kế) cũng như quyền yêu cầu của các đương sự khác, nên cần phải hủy cả phần mà Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ để lại quyết lại, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Do đó, cần thiết phải hủy án dân sự; giao Hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí thẩm định, định giá tài sản, án phí được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm và chấp nhận kháng cáo, nên người có kháng cáo là bà M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị M.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng về vụ án "Tranh chấp thừa kế tài sản và Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", giữa các đương sự:

Nguyên đơn là bà Vũ Thị M với bị đơn là bà Nguyễn Thị B; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị P, chị Vũ Thị D, anh Vũ Văn H, chị Lê Thị T, anh Vũ Văn T1, chị Lê Thị Hồng G, anh Vũ Văn V, chị Lê Thị T2, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H và Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố

Hải Phòng.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và án phí sơ thẩm được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị M không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố Hải Phòng;*
- *VKSND thành phố Hải Phòng;*
- *Cục THADS thành phố Hải Phòng;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HCTP, HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Đặng Văn Hưng